

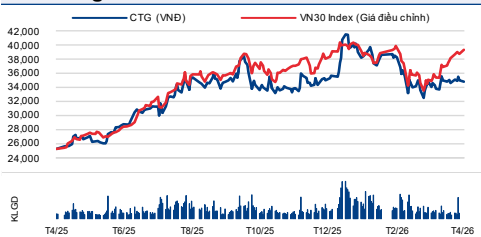
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ48,300
Tiềm năng tăng/giảm: 38.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/4/2026)	34,800
Mã Bloomberg	CTG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	25,514-41,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	34,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	270,290
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,260
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,767
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,330
Slg CP NN được mua (tr.đv)	357
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	25.4%
Tỷ lệ freefloat	15.8%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (64.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	2,768	3,146	3,571
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,992	2,291	2,635
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	87.3	101	116
Lợi nhuận thuần (ntđ)	34.6	41.8	48.0
BVPS (đồng)	22,974	27,279	32,287
EPS (đồng)	4,454	5,378	6,180
DPS (đồng)	450	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.0	15.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	6.58	15.8	14.7
Tăng trưởng EPS (%)	36.5	20.7	14.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	11.1	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	10.1	9.30	8.09
ROAE (%)	21.2	21.4	20.8
ROAA (%)	1.34	1.41	1.43
Tỷ lệ NIM (%)	2.65	2.71	2.80
Tỷ lệ CIR (%)	30.4	30.2	29.8
Hệ số CAR (%)	10.4	10.8	11.1
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.10	1.10	1.10
LLR/nợ xấu (%)	159	155	144
Hệ số LDR (%)	111	111	111
P/B (lần)	1.51	1.28	1.08
P/E (lần)	7.81	6.47	5.63
Lợi suất cổ tức (%)	1.29	1.44	1.44

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietinbank là ngân hàng vốn nhà nước lớn thứ hai tại Việt Nam với danh mục cho vay cân bằng giữa các phân khúc khách hàng.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q1/2026: Thu nhập hoạt động tăng mạnh, chủ động trích lập dự phòng

- CTG ghi nhận LNTT Q1/2026 đạt 11,1 nghìn tỷ đồng (tăng 63,3% so với mức nền thấp cùng kỳ). Nhìn chung, tổng thu nhập hoạt động cao hơn kỳ vọng nhưng LNTT thấp hơn dự báo do chi phí dự phòng cao hơn dự kiến.
- Tín dụng và tiền gửi tăng trưởng khiêm tốn lần lượt 1,8% và 1,7% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM cải thiện 14 điểm cơ bản so với quý trước, tốt hơn so với dự báo của chúng tôi. Việc chủ động trích lập dự phòng trong Q1/2026 tiếp tục hỗ trợ chất lượng tài sản với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,02% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 167%.
- CTG đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,28 lần, thấp hơn 10% so với ngân hàng tương đồng nhất BID. HSC cho rằng định giá hiện tại là hấp dẫn và giữ nguyên khuyến nghị Mua vào & giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026 vào ngày 29/4/2026

CTG ghi nhận LNTT Q1/2026 đạt 11,1 nghìn tỷ đồng (tăng 63,3% so với mức thấp cùng kỳ), cao hơn kết quả sơ bộ được công bố trước đó. Nhìn chung, thu nhập hoạt động tăng mạnh hơn kỳ vọng nhờ tỷ lệ NIM mở rộng thay vì thu hẹp nhẹ như chúng tôi đã dự báo. Tuy nhiên, CTG chủ động trích lập dự phòng ngay từ đầu năm làm chi phí dự phòng cao hơn so với dự báo, từ đó khiến LNTT không đạt kỳ vọng của chúng tôi. Mặc dù LNTT Q1/2026 chỉ hoàn thành 21,2% dự báo cả năm nhưng diễn biến hoạt động cốt lõi khá tích cực và nhìn chung đang đi đúng hướng.

Tăng trưởng bảng cân đối khiêm tốn

Tăng trưởng tín dụng đạt 1,8% kể từ đầu năm, thấp hơn so với bình quân ngành. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ phân khúc FDI (tăng 6,3% kể từ đầu năm) và khách hàng doanh nghiệp lớn (tăng 5,1%), tiếp theo là DNNVV (tăng 3,4%) trong khi phân khúc bán lẻ giảm nhẹ (giảm 2,1%).

Huy động: Tiền gửi khách hàng tăng trưởng với tốc độ tương đương, đạt 1,7% kể từ đầu năm. Tiền gửi KBNN tăng 37,6% kể từ đầu năm đạt 185 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho nguồn vốn. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm 0,7 điểm phần trăm xuống 24,9%. Trong bối cảnh lãi suất gia tăng, việc tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn sụt giảm đã nằm trong dự báo và phù hợp với xu hướng ngành.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2026, CTG

Thu nhập hoạt động tăng trưởng vượt kỳ vọng trong khi LNTT thấp hơn một chút so với dự báo do chi phí dự phòng cao hơn dự kiến

(Tỷ đồng)	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	2026F	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	15,475	19,385	25.3%	78,014	24.8%
Thu nhập ngoài lãi	4,978	5,716	14.8%	23,092	24.8%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,611	1,847	14.7%	7,156	25.8%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	913	1,085	18.8%	3,745	29.0%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	329	416	26.3%	600	69.3%
Thu nhập khác	2,002	2,265	13.1%	11,129	20.3%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	123	105	-15.2%	462	22.6%
Tổng thu nhập HĐ	20,453	25,102	22.7%	101,106	24.8%
Chi phí HĐ	(5,519)	(6,261)	13.4%	(30,531)	20.5%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	14,934	18,840	26.2%	70,575	26.7%
Chi phí dự phòng	(8,111)	(7,701)	-5.1%	(18,015)	42.7%
LNTT	6,823	11,139	63.3%	52,560	21.2%
Lợi nhuận thuần	5,419	8,920	64.6%	41,768	21.4%

Nguồn: CTG, HSC

Tỷ lệ NIM ổn định, tốt hơn so với kỳ vọng

Tỷ lệ NIM đã phục hồi 14 điểm cơ bản so với quý trước đạt 2,81%, tốt hơn kỳ vọng, nhờ lợi suất tài sản tăng 30 điểm cơ bản trong khi chi phí huy động chỉ tăng 16 điểm cơ bản. So với các ngân hàng khác, với phần lớn ghi nhận NIM giảm nhẹ đến trung bình so với quý trước, diễn biến NIM của CTG trong Q1 là một điểm sáng.

Thu nhập ngoài lãi tích cực ở tất cả các lĩnh vực

Thu nhập ngoài lãi tích cực ở tất cả các lĩnh vực, trong đó lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 15% so với cùng kỳ, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 19% và thu nhập khác tăng 13%, bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (tăng 14,8% so với cùng kỳ).

Đối với lãi thuần HĐ dịch vụ, những động lực tăng trưởng chính bao gồm thu phí bảo lãnh & dịch vụ thanh toán, tăng lần lượt 41% và 38% so với cùng kỳ.

Chất lượng tài sản cải thiện nhờ chủ động trích lập dự phòng

CTG đã trích lập dự phòng 7,7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026. Mặc dù thấp hơn một chút so với cùng kỳ nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với bình quân 3 quý gần đây, kết quả này cho thấy CTG tiếp tục áp dụng chiến lược trích lập dự phòng thận trọng với việc đẩy mạnh trích lập sớm ngay từ đầu năm.

Nhờ chính sách trích lập dự phòng chủ động, chất lượng tài sản đã cải thiện nhẹ với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,02% từ 1,1% tại thời điểm cuối năm 2025, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 167% từ 159%. Đáng chú ý, các khoản nợ nhóm 5 đã giảm 40% so với quý trước sau khi ngân hàng tích cực xử lý, hiện chiếm 58% tổng nợ xấu, so với 91% tại thời điểm cuối năm 2025. Điều này cho thấy áp lực trích lập dự phòng có thể giảm xuống trong các quý tiếp theo.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, CTG đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,28 lần, tương đương nhóm ngân hàng tư nhân và thấp hơn 10% so với BID. Trong khi đó, CTG được kỳ vọng đạt ROE 19,5%, so với 17,2% của nhóm ngân hàng tư nhân và 14,3% của BID. Chúng tôi cho rằng định giá hiện tại là hấp dẫn và duy trì khuyến nghị Mua vào & giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	124	143	180	196	222
Chi phí lãi	(62.1)	(76.7)	(102)	(104)	(115)
Thu nhập lãi thuần	62.4	66.5	78.0	91.6	107
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.70	6.33	7.16	8.36	9.79
Lãi thuần HĐ KDNH	4.20	3.12	3.74	4.31	4.95
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.20)	0.86	0.60	0.60	0.60
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.39	0.44	0.46	0.49	0.51
Thu nhập khác	8.42	10.1	11.1	10.7	11.2
Tổng thu nhập HĐ	81.9	87.3	101	116	134
Chi phí HĐ	(22.5)	(26.6)	(30.5)	(34.6)	(39.0)
LN trước dự phòng	59.4	60.7	70.6	81.4	94.8
Chi phí dự phòng	(27.6)	(17.3)	(18.0)	(21.1)	(25.5)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	31.8	43.4	52.6	60.4	69.3
Chi phí thuế TNDN	(6.28)	(8.59)	(10.5)	(12.1)	(13.9)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.13)	(0.27)	(0.28)	(0.29)	(0.31)
Lợi nhuận thuần	25.3	34.6	41.8	48.0	55.2
EPS (đồng)	3,264	4,454	5,378	6,180	7,101
DPS (đồng)	0	450	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,767	7,767	7,767	7,767	7,767
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,767	7,767	7,767	7,767	7,767
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,767	7,767	7,767	7,767	7,767

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.1	12.6	13.8	16.4	18.3
Tiền gửi tại NHNN	34.4	35.2	41.3	47.4	54.6
Tiền gửi tại các TCTD khác	378	476	524	587	657
Chứng khoán kinh doanh	2.80	2.94	3.02	3.15	3.29
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.23	0.25	0.28	0.30
Số dư cho vay thuần	1,685	1,957	2,252	2,593	2,984
Tổng dư nợ cho vay	1,722	1,992	2,291	2,635	3,030
Dự phòng rủi ro	(36.7)	(34.8)	(39.1)	(41.7)	(46.0)
Chứng khoán đầu tư	215	212	240	250	261
CK đầu tư sẵn sàng để bán	189	204	213	224	235
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	26.6	8.81	26.6	26.6	26.6
Dự phòng rủi ro	(0.59)	(0.53)	(0.55)	(0.55)	(0.55)
Đầu tư dài hạn	3.93	4.43	3.94	3.94	3.94
Tài sản cố định	10.0	10.8	11.1	11.4	11.2
Tài sản khác	44.7	55.6	56.7	57.9	59.0
Tổng tài sản	2,385	2,768	3,146	3,571	4,054
Nợ phải trả	2,237	2,588	2,932	3,318	3,754
Tiền gửi của NHNN	154	145	149	153	158
Tiền gửi của các TCTD khác	276	418	466	512	564
Tổng tiền gửi KH	1,606	1,794	2,063	2,372	2,728
Trái phiếu và CCTG	152	174	191	211	227
Nợ khác	48.1	58.0	63.6	69.7	76.5
Vốn chủ sở hữu	148	178	212	251	298
Vốn điều lệ	53.7	77.7	77.7	77.7	77.7
Thặng dư vốn cổ phần	8.97	8.97	8.97	8.97	8.97
Lợi nhuận giữ lại	58.4	58.2	80.8	111	147
Quỹ & vốn khác của CSH	26.5	33.6	44.4	53.0	64.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.97	1.21	1.49	1.78	2.09
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,385	2,768	3,146	3,571	4,054
BVPS (đồng)	18,995	22,974	27,279	32,287	38,363

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	17.4	16.0	13.7	13.5	13.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.9	15.7	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.9	11.7	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	15.2	11.9	14.6	14.6	14.4
Tăng trưởng VCSH (%)	18.0	20.9	18.7	18.4	18.8
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	17.8	6.49	17.4	17.4	16.7
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	10.3	17.8	15.0	13.2	12.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.5	2.33	16.2	15.4	16.5
Tăng trưởng LNTT (%)	27.1	36.8	21.0	14.9	14.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	27.4	36.5	20.7	14.9	14.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.71	3.39	3.42	3.45	3.51
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.02)	(1.03)	(1.03)	(1.03)	(1.02)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	96.3	97.4	97.4	97.3	97.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	3.31	3.49	4.01	4.55	5.20
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	22.7	31.0	37.4	43.0	49.4

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.7	7.81	6.47	5.63	4.90
P/B (lần)	1.83	1.51	1.28	1.08	0.91
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.29	1.44	1.44	1.44

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	30.9	39.6	41.3	41.4	41.2
ROAA (%)	1.15	1.34	1.41	1.43	1.45
ROAE (%)	18.6	21.2	21.4	20.8	20.1
Chi phí huy động BQ (%)	3.07	3.25	3.77	3.41	3.32
Lợi suất góp BQ (%)	5.85	5.71	6.24	5.99	5.98
Lợi suất thuần (%)	2.78	2.45	2.47	2.59	2.65
Tỷ lệ NIM (%)	2.93	2.65	2.71	2.80	2.88
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.17	7.25	7.08	7.21	7.31
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	76.2	76.1	77.2	78.9	79.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	15.6	16.6	15.8	13.9	12.9
Tỷ lệ CIR (%)	27.5	30.4	30.2	29.8	29.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.1	9.30	8.09	7.04

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.54	10.4	10.8	11.1	12.0
VCSH/Tổng TS (%)	6.18	6.45	6.74	7.02	7.35
Đòn bẩy vốn (lần)	16.2	15.5	14.8	14.2	13.6

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.25	1.10	1.10	1.10	1.10
Hệ số LLR (%)	171	159	155	144	138

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	107	111	111	111	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.6	17.5	17.1	16.6	16.0
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	72.2	72.0	72.8	73.8	74.7

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,116	1,116	1,116	1,116	1,116
Số lượng nhân viên	24,731	24,978	25,228	25,480	25,735

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn